

Số: **1505/QĐ-UBND**

Thừa Thiên Huế, ngày **23** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục đập, hồ chứa thủy điện thuộc loại đập, hồ chứa nước lớn và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1262/TTr-SCT ngày 15 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục đập, hồ chứa thủy điện thuộc loại đập, hồ chứa nước lớn và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Kèm theo Phụ lục I, II).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện tại Điều 1 Quyết định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

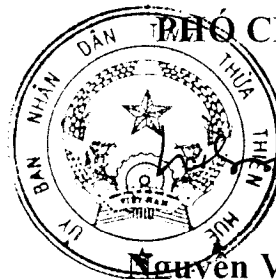
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục Kỹ thuật AT&MTCN - Bộ CT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN PHƯƠNG



Nguyễn Văn Phương





Phụ lục I

DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN THUỘC LOẠI ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC LỚN

(Kèm theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Stt	Tên đập, hồ chứa thủy điện	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ chứa ứng với MNDBT ($10^6.m^3$)	Chiều cao lớn nhất của đập (m)	Chiều dài lớn nhất của đập (m)	Lưu lượng xả lũ thiết kế (m^3/s)	Đơn vị quản lý
1	Bình Điền	Xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	423,680	85,7	362,8	4.044	Công ty Cổ phần thủy điện Bình Điền
2	A Lưới	Xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	60,200	49,5	206,5	4.183	Công ty Cổ phần thủy điện Miền Trung
3	A Lin 3, A Lin B1 (thuộc công trình thủy điện A Lin B1)	Xã Trung Sơn, huyện A Lưới và xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	24,980	48,0	321,7	2.230	Công ty Cổ phần thủy điện Trường Phú
4	Thượng Lộ	Xã Hương Lộc và xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	4,090	38,5	148,37	3.075	Công ty TNHH MTV thủy điện Thượng Lộ
5	A Lin B2	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	0,031	19,2	83,4	661	Công ty Cổ phần thủy điện A Lin 2

Stt	Tên đập, hồ chứa thủy điện	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ chứa ứng với MNDBT ($10^6.m^3$)	Chiều cao lớn nhất của đập (m)	Chiều dài lớn nhất của đập (m)	Lưu lượng xả lũ thiết kế (m^3/s)	Đơn vị quản lý
6	Rào Trăng 4	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	18,805	52,5	233,5	2.006	Công ty Cổ phần thủy điện Rào Trăng 4
7	Rào Trăng 3	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	2,727	33,50	173,75	1.329	Công ty Cổ phần thủy điện Rào Trăng 3
8	Sông Bồ	xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	10,490	50,7	163,9	2.395	Công ty Cổ phần thủy điện Sông Bồ
9	Thượng Nhật	Xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	16,080	46,3	124,8	1.077	Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Miền Trung Việt Nam



Phụ lục II

DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN THUỘC LOẠI ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC VỪA

(Kèm theo Quyết định số **1505/QĐ-UBND** ngày **23** tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)



Stt	Tên đập, hồ chứa thủy điện	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ chứa ứng với MNDBT ($10^6.m^3$)	Chiều cao lớn nhất của đập (m)	Chiều dài lớn nhất của đập (m)	Lưu lượng xả lũ thiết kế (m^3/s)	Đơn vị quản lý
1	A Lin Thượng	Xã Hồng Vân, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	0,322	13,0	28,3	218,0	Công ty Cổ phần thủy điện Trường Phú
2	A Roàng	xã A Roàng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	0,104	12,5	78,2	1.015	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung